

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy -Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 399/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đội 4 thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Đức Q**, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC TR, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người đại diện theo ủy quyền của chị H trong việc giao nhận các văn bản tố tụng: Chị Vũ Thị Ch, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC Tr, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương (Theo giấy ủy quyền ngày 13/10/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức Q quen biết nhau khi cùng lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), quyết định tiến tới hôn nhân và có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, ngày 14/11/2014. Sau khi kết hôn, chị ở nhà chồng được 20 ngày rồi tiếp tục sang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) còn anh Q hết hạn hợp đồng nên ở lại Việt Nam. Đến tháng 5/2015 anh Q cũng sang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), sau này chị có bầu nên về nước hẳn để thuận tiện cho việc sinh hoạt và nuôi con, anh Q thỉnh thoảng có về thăm và gửi tiền chi tiêu sinh hoạt cho mẹ con chị. Nhưng từ năm 2020 đến nay, anh Q chơi bời, không quan tâm và có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Phạm Đức Q theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Nguyễn Gia L, sinh ngày 25/3/2017. Do hiện nay anh Q không có mặt tại Việt Nam nên khi ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Trần Thị Th(mẹ đẻ anh Phạm Đức Q) thể hiện: Anh Phạm Đức Q hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng anh Q thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Phạm Đức Q biết. Vợ chồng chị H, anh Q xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc không thống nhất về quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, bà đã thông báo cho anh Q biết. Anh Phạm Đức Q không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với bà Th qua điện thoại và thể hiện quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Đối với việc chị H đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, anh Q đồng ý.

Tòa án xác minh tại địa pH nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức Q kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa pH. Khu dân cư nằm được trong cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa pH đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Phạm Đức Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Các đương sự cơ bản thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Đức Q. Về con chung: Giao con chung là Phạm Nguyễn Gia L cho chị H chăm sóc, nuôi

dưỡng. Buộc anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Chị H phải chịu án phí ly hôn, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Đức Q có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu dân cư TR, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và gia đình bà Thủy không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Thủy vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh Q biết việc chị H đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh Q biết. Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt lần thứ hai, chị H có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, ngày 14/11/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q không quan tâm và có trách nhiệm với vợ con. Anh Phạm Đức Q không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc bằng điện thoại với gia đình, anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức Q được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đã sống ly thân từ lâu không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Đức Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức Q có một con chung là Phạm Nguyễn Gia L, sinh ngày 25/3/2017. Xét về thực tế, anh Q hiện đang ở nước ngoài nên không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, con chung hiện đang ở cùng với chị H. Mặt khác chị H có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của các con, HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Xét thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ chung của cả chị H và anh Q. Cả hai anh chị đều có sức lao động và thu nhập. Chị H đề nghị anh Q cấp dưỡng cho con số tiền 2.000.000đ/tháng, thông qua gia đình, anh Q nhất trí mức cấp dưỡng như trên. Do vậy, cần buộc anh Q phải cấp dưỡng cho con với số tiền là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Như vậy là phù hợp với Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình. Nếu anh Q có căn cứ cho rằng chị H không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), anh Phạm Đức Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 147 của BLTTDS, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** ly hôn anh **Phạm Đức Q**.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Nguyễn Gia L, sinh ngày 25/3/2017.

Buộc anh Phạm Đức Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Phạm Nguyễn Gia L số tiền là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở anh Phạm Đức Q thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Vũ Thị Chang nộp thay theo biên lai thu số AA/2021/00002383 ngày 14/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Anh Phạm Đức Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Đức Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường V, thành phố C, Hải Dương (để ghi số hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân